

HỌC VIỆN BIÊN PHÒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHBP

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
XÉT KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2022

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
A	NGÀNH BIÊN PHÒNG														
I	KHỐI A01														
	MIỀN BẮC														
1	PHAN VIỆT HOÀNG	05002539	11/09/2004	05	1	8.20	8.75	9.20		0.75	26.90	05	01	008204002481	BPH
2	NÔNG VIỆT HÙNG	10004497	29/01/2003	10	1	8.60	8.00	7.40	2.00	0.75	26.75	10	02	020203006674	BPH
3	VŨ ĐỨC LONG	01055114	16/03/2000	q1	92	8.60	9.00	7.60	1.00	0.25	26.45	01	16	001200029864	PBH
4	NGUYỄN VŨ ĐỨC THÀNH	25014454	30/12/2004	25	17	8.20	8.25	9.20		0.50	26.15	25	03	035204009408	BPH
5	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	62004585	25/06/2003	62	91	8.20	8.00	9.20		0.75	26.15	62	01	011203000084	PBH
6	LÒ HUY ĐỨC	62000139	08/06/2004	62	41	7.80	8.00	7.60	2.00	0.75	26.15	62	03	011204003801	BPH
7	TRẦN VÕ VIỆT HÀ	31006697	22/04/2004	32	30	8.40	8.00	9.40		0.25	26.05	32	03	045204007142	HEH
8	LƯƠNG THÀNH TRUNG	06003122	13/08/2003	06	85	8.80	8.00	6.40	2.00	0.75	25.95	06	14	004203007281	BPH
9	HỨA VĂN QUANG	06004478	10/11/2003	06	87	8.60	7.50	6.60	2.00	0.75	25.45	06	04	085926123	BPH
10	LÊ VŨ DANH	19011256	09/10/2004	19	16	8.40	8.50	8.00		0.50	25.40	19	06	027204011812	HEH
11	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	16007313	09/12/2004	16	8	8.60	8.50	7.60		0.50	25.20	16	05	026204004727	BPH
12	VƯƠNG HẢI LONG	12001551	20/04/2004	06	2	8.80	7.50	5.80	2.00	0.75	24.85	06	13	004204006962	LCH
13	NINH CÔNG CHÂU	29001923	16/11/2004	29	68	8.80	8.25	7.40		0.25	24.70	29	01	040204001181	BPH
14	PHẠM VIỆT NAM	17007445	11/12/2003	17	13	8.60	8.50	7.20		0.25	24.55	17	01	022203004557	BPH
15	TRỊNH NGỌC QUANG ĐẠT	30002561	16/01/2004	30	1	8.60	8.25	6.40		0.75	24.00	30	16	042204008403	BPH
16	PHAN XUÂN MINH	28000451	15/12/2004	28	1	7.80	7.75	8.20		0.25	24.00	28	01	038204005605	BPH
17	NGUYỄN NGỌC VĂN	28000726	20/10/2003	28	2	8.40	7.75	7.40		0.25	23.80	28	01	038203026525	BPH
18	VÔ HOÀN QUÂN	31008222	09/06/2003	31	37	8.20	8.25	7.00		0.25	23.70	31	01	044203002043	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
19	PHÙNG THẾ LONG	01089215	22/01/2001	01	17	7.80	8.50	7.00		0.25	23.55	01	28	001201033874	BPH
20	HOÀNG TÙNG DƯƠNG	01054860	01/12/2004	01	12	8.60	7.25	7.20		0.25	23.30	01	16	001204031845	BPH
21	TRẦN NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	30004666	29/08/2004	30	2	7.80	8.00	7.00		0.25	23.05	30	01	042204001127	BPH
22	ĐỖ MINH QUANG	17001693	04/08/2004	17	15	8.20	8.50	5.40		0.50	22.60	17	07	022204003517	BPH
23	KHUẤT QUANG LÂN	01055089	28/10/2003	01	13	8.20	7.00	6.60		0.25	22.05	01	16	001203037999	BPH
24	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	01055373	03/09/2004	01	11	8.00	7.25	6.20		0.25	21.70	01	16	001204004911	BPH
25	NGUYỄN MẠNH KIÊN	01055861	21/10/2004	01	15	7.60	6.50	6.80		0.25	21.15	01	16	001204020398	BPH
26	NGUYỄN LÊ THÁI SƠN	01002971	20/03/2004	01	16	7.20	6.00	6.60			19.80	01	09	001204004068	BPH
QUẬN KHU 4															
1	VÕ VĂN ĐÌNH	02023742	28/03/2004	32	8	9.00	8.75	8.40		0.75	26.90	32	08	045204001781	BPH
2	TRƯƠNG QUANG DŨNG	32002097	26/12/2004	32	5	9.00	9.25	8.20		0.25	26.70	32	04	045204001824	BPH
QUẬN KHU 5															
1	NGUYỄN PHẠM QUỲNH NGHĨA	40016700	26/08/2004	40	46	7.60	8.25	8.00	2.00	0.75	26.60	40	01	066204002246	BPH
2	NGUYỄN THÀNH BẰNG	37000016	11/08/2004	37	2	8.80	7.50	9.40		0.25	25.95	37	01	215629750	BPH
3	NGUYỄN ĐỨC UY	38003667	21/11/2004	38	2	8.00	8.50	8.00		0.75	25.25	38	01	064204000848	BPH
4	NGUYỄN TRẦN ĐẠI NGHĨA	41006756	21/11/2004	41	1	7.60	8.25	8.40		0.75	25.00	41	01	056204000318	BPH
5	ĐÀO VIỆT VŨ HOÀNG	40018871	23/03/2004	40	48	8.00	7.50	8.60		0.75	24.85	40	01	066204000229	BPH
6	ĐÀO MINH CHẤN	39008718	30/06/2003	39	1	8.00	7.75	8.40		0.25	24.40	39	10	054203004117	BPH
7	NGUYỄN PHI KHANH	63001987	24/07/2004	63	4	8.00	7.00	8.40		0.75	24.15	63	05	067204000112	BPH
8	ZORÂM TRỌNG THÁI	34004360	06/10/2004	34	17	8.00	7.25	6.00	2.00	0.75	24.00	34	13	049204011208	BPH
QUẬN KHU 7															
1	HUỲNH NHẬT TÀI	46002593	27/04/2003	46	31	7.80	8.75	9.20		0.50	26.25	46	02	072203003149	BPH
2	NGUYỄN THÀNH TỶ	49004753	04/11/2004	49	3	8.20	8.50	8.80		0.25	25.75	49	15	080204011292	BPH
3	BÙI TIẾN NGHĨA	49004468	13/03/2004	49	1	8.80	8.50	8.00		0.25	25.55	49	02	080204012997	BPH
4	ĐOÀN TIỀN PHONG	02077423	25/11/2004	02	6	7.80	8.25	9.00		0.25	25.30	02	24	079204013024	BPH
5	TRẦN QUỐC TỶ	49001318	06/06/2003	49	4	8.80	6.75	9.00		0.25	24.80	49	15	080203000949	BPH
6	NGUYỄN QUANG HUY	52003875	01/08/2004	52	5	8.40	7.50	8.60		0.25	24.75	52	02	077204003317	HEH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
7	NGUYỄN CÔNG HIẾU	52000202	05/09/2001	52	1	8.80	8.25	7.00		0.25	24.30	52	01	077201002821	SNH
8	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	46002769	05/09/2004	46	32	8.60	7.75	7.00		0.50	23.85	46	02	072204004680	BPH
9	NGUYỄN DUY ĐẠT	52000129	15/06/2003	52	4	6.40	8.25	8.60		0.25	23.50	52	01	077203001623	BPH
	QUÂN KHU 9														
1	NGUYỄN HOÀNG DĨ KHANG	53000203	15/06/2004	53	4	9.60	9.50	8.00		0.50	27.60	53	03	312538973	BPH
2	LÊ HỮU PHƯỚC	60000873	02/03/2003	60	33	8.60	9.25	8.60		0.25	26.70	60	01	095203000352	BPH
3	VÕ ĐẶNG ĐĂNG KHOA	51009959	02/07/2004	51	66	8.80	8.75	8.20		0.75	26.50	51	06	089204010416	BPH
4	DANH HOÀNG HUY	54003160	25/06/2004	54	5	8.40	8.00	7.20	2.00	0.75	26.35	54	06	091204010150	BPH
5	HUỖNH TRƯỞNG HỮU TIỀN	51013742	13/09/2004	51	63	9.20	8.50	7.80		0.75	26.25	51	04	089204024638	BPH
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	50014676	20/12/2004	50	58	8.40	9.00	7.80		0.75	25.95	50	12	087204010167	BPH
7	TRẦN THANH HUY	51009941	14/11/2003	51	69	8.80	8.25	7.40		0.75	25.20	51	06	089203011699	BPH
8	NGUYỄN VĂN SUNG	51010048	04/10/2003	51	70	9.00	8.25	7.00		0.75	25.00	51	06	089203008972	BPH
9	TRẦN KHÁNH LINH	51011916	24/09/2004	51	60	8.20	8.00	8.00		0.75	24.95	51	03	089204018330	BPH
10	NGUYỄN VĂN TRÍ	51013203	05/02/2003	51	62	8.00	8.50	7.40		0.75	24.65	51	04	089203016063	BPH
11	DANH HOÀNG PHÚC	53013749	15/12/2003	53	2	8.80	7.75	7.80		0.25	24.60	53	02	082203002726	BPH
12	HUỖNH THANH SANG	51010045	17/10/2004	51	71	8.40	7.75	7.60		0.75	24.50	51	06	089204020192	BPH
II	KHỐI C00														
	MIỀN BẮC														
1	LIÊM VĂN CHÚM	62006145	27/02/2002	62	79	9.00	10.00	9.50	2.00	0.75	31.25	62	06	011202007450	BPH
2	ĐÌNH CÔNG HUY	13004350	03/03/2003	13	9	9.00	10.00	9.50	2.00	0.75	31.25	13	07	015203002504	BPH
3	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	30015287	22/08/2003	30	34	8.75	10.00	9.75	2.00	0.75	31.25	30	03	042203001988	BPH
4	KHA ĐÌNH BẰNG	29012102	19/05/2002	29	24	9.25	9.75	9.25	2.00	0.75	31.00	29	08	040202005020	BPH
5	LANG VĂN THIÊN	29005966	17/07/2003	29	9	9.00	9.75	9.50	2.00	0.75	31.00	29	03	040203002002	BPH
6	NGUYỄN CÔNG THU	30006714	06/01/1999	Q1	10	8.75	9.50	10.00	2.00	0.75	31.00	30	13	184332604	LCH
7	LÊ MINH QUÂN	28009621	10/10/2004	28	184	8.50	9.75	10.00	2.00	0.75	31.00	28	09	038204003924	LCH
8	LƯƠNG XUÂN THÀNH	29006476	02/11/2003	29	151	9.00	9.50	9.50	2.00	0.75	30.75	29	04	040203001227	LCH
9	NÔNG XUÂN THỤY	06003396	03/11/2002	06	32	8.50	9.75	9.75	2.00	0.75	30.75	06	10	004202000276	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
10	BÊ QUỐC VINH	06003437	19/10/2004	06	63	8.25	10.00	9.75	2.00	0.75	30.75	06	10	004204000699	BPH
11	HOÀNG TRƯỜNG MINH	12001587	02/03/2004	06	58	9.00	9.75	9.00	2.00	0.75	30.50	06	11	004204006411	BPH
12	LÊ NGỌC THẮNG	29031700	28/07/2002	L5	1	8.75	9.75	9.50	2.00	0.50	30.50	30	23	184425604	LCH
13	ĐÌNH VĨNH HƯNG	15015247	04/11/2003	15	11	8.50	9.75	9.50	2.00	0.75	30.50	15	07	025203001368	BPH
14	VÀNG A TÙNG	62002638	03/03/2003	62	125	8.50	9.50	9.75	2.00	0.75	30.50	62	10	011203010221	BPH
15	LƯƠNG VĂN NGỌC	28012273	10/02/2004	28	175	8.25	9.75	9.75	2.00	0.75	30.50	28	09	038204008057	LCH
16	LÝ TIẾN ĐẠT	05002190	13/11/2004	05	26	8.00	10.00	9.75	2.00	0.75	30.50	05	08	002204007249	LCH
17	LÒ VĂN THÀNH	28007360	15/10/2003	28	15	7.75	10.00	10.00	2.00	0.75	30.50	28	06	038203019174	BPH
18	BÙI VĂN ĐOÀN	28013066	12/11/2004	28	56	9.00	9.50	9.00	2.00	0.75	30.25	28	13	038204027903	BPH
19	ĐÌNH THÁI SƠN	29031681	05/02/2002	L5	2	8.75	10.00	8.75	2.00	0.75	30.25	30	07	184418280	LCH
20	NGUYỄN VĂN THỨC	29031743	17/01/2002	L5	20	8.75	9.75	9.00	2.00	0.75	30.25	30	07	184462872	BPH
21	NÔNG ĐỨC MẠNH	62004477	05/02/2004	62	164	8.75	9.25	9.50	2.00	0.75	30.25	62	01	011204000143	LCH
22	HÀ VĂN CÔNG	23002198	12/04/2004	23	8	8.50	10.00	9.00	2.00	0.75	30.25	23	03	017204005886	BPH
23	VI TRỌNG NGUYỄN	28012278	22/05/2004	28	8	8.50	10.00	9.00	2.00	0.75	30.25	28	05	038204005374	BPH
24	TRƯƠNG VĂN MẠNH	08004705	09/02/2001	08	9	8.25	9.75	9.50	2.00	0.75	30.25	08	06	010201000801	BPH
25	HOÀNG ĐỨC DỤC	06004812	06/11/2001	06	43	8.25	9.75	9.50	2.00	0.75	30.25	06	06	004201002169	BPH
26	HOÀNG QUANG DŨNG	10002093	21/02/2003	10	48	8.00	10.00	9.50	2.00	0.75	30.25	10	07	020203000760	BPH
27	TRẦN VĂN TÚ	06001078	03/02/2004	06	34	8.00	10.00	9.50	2.00	0.75	30.25	06	10	004204000743	BPH
28	LỘC VĂN TOÀN	10003600	19/10/2004	10	56	8.00	10.00	9.50	2.00	0.75	30.25	10	08	020204001934	BPH
29	ĐOÀN LÊ TUẤN ĐẠT	08002981	25/02/2003	08	5	7.75	10.00	9.75	2.00	0.75	30.25	08	01	010203004313	LCH
30	BÙI VĂN ĐỀ	29031422	21/04/2002	L5	6	9.00	9.50	8.75	2.00	0.75	30.00	29	15	187915955	BPH
31	LANG ĐỨC GIANG	28008478	10/03/2003	28	216	8.75	9.25	9.25	2.00	0.75	30.00	28	08	038203011252	LCH
32	VI MÂY KHẮM	29004326	16/03/2004	29	54	8.75	9.25	9.25	2.00	0.75	30.00	29	15	187913642	BPH
33	BÙI MINH QUÂN	28012324	07/02/2004	28	54	8.50	10.00	8.75	2.00	0.75	30.00	28	13	038204005078	BPH
34	PHẠM MINH TUẤN	10008938	09/08/2001	10	19	8.50	9.25	9.50	2.00	0.75	30.00	10	11	020201000873	BPH
35	HOÀNG HOÀI ANH	14007430	23/11/2003	14	37	8.00	10.00	9.25	2.00	0.75	30.00	14	08	MI1400751058	BPH
36	NÔNG VĂN AN	06001231	30/04/2004	06	54	8.00	10.00	9.25	2.00	0.75	30.00	06	11	004204004615	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
37	PHẠM HÙNG DƯƠNG	08002975	31/03/2003	08	17	8.00	9.75	9.50	2.00	0.75	30.00	08	09	010203001363	BPH
38	BÙI VĂN AN	28012983	15/09/2001	28	50	8.00	9.75	9.50	2.00	0.75	30.00	28	13	038201009917	BPH
39	PHẠM QUANG MẠNH	01062219	25/05/2004	06	68	7.75	10.00	9.50	2.00	0.75	30.00	06	10	004204006716	BPH
40	HOÀNG HẢI GIANG	06001581	12/03/2004	06	79	7.75	10.00	9.50	2.00	0.75	30.00	06	08	004204000094	LCH
41	LÒ QUỐC THẮNG	28009669	16/10/2002	28	225	8.50	9.00	9.50	2.00	0.75	29.75	28	09	038202002036	LCH
42	HẠNG A CHUNG	62000792	11/12/2004	62	96	8.50	9.00	9.50	2.00	0.75	29.75	62	06	011204001064	BPH
43	LÊ VĂN HIỆP	28009394	20/12/2004	28	35	8.25	9.50	9.25	2.00	0.75	29.75	28	09	038204005390	BPH
44	NGUYỄN VĂN TRUNG	29031787	22/04/2001	L5	2	8.25	9.50	9.25	2.00	0.75	29.75	29	13	187888319	BPH
45	LÊ VĂN HẢI	29004574	04/02/2004	29	8	8.25	9.50	9.25	2.00	0.75	29.75	29	03	040204007620	BPH
46	HOÀNG TRỌNG NGHĨA	13004479	19/03/2002	13	2	8.00	10.00	9.00	2.00	0.75	29.75	13	03	015202004090	BPH
47	GIÀNG A CHU	62000788	29/04/2004	62	43	7.75	10.00	9.25	2.00	0.75	29.75	62	03	011204001012	BPH
48	PHẠM VĂN HIẾU	28012134	14/08/2004	28	45	7.75	9.75	9.50	2.00	0.75	29.75	28	12	038204005059	BPH
49	HOÀNG TRUNG THÀNH	10005211	26/11/2003	10	31	7.50	10.00	9.50	2.00	0.75	29.75	10	04	082380676	BPH
50	LÒ VĂN CHUYÊN	62001499	11/07/2003	62	28	7.50	10.00	9.50	2.00	0.75	29.75	62	03	011203003984	BPH
51	CAO TUẤN NGHĨA	06001163	21/10/2002	06	11	8.75	9.25	8.75	2.00	0.75	29.50	06	04	085103595	LCH
52	HOÀNG DOÃN KHẢI	10006810	26/09/2003	10	28	8.50	9.75	8.50	2.00	0.75	29.50	10	05	020203002636	BPH
53	NGUYỄN VĂN KHẢI	28014535	17/11/2003	28	103	8.50	9.75	8.50	2.00	0.75	29.50	28	14	038203017608	BPH
54	LỤC ANH DƯƠNG	06001562	20/09/2004	06	86	7.75	9.75	9.25	2.00	0.75	29.50	06	08	004204005871	LCH
55	LỖ PỎ SAN	62002926	16/02/2003	62	72	7.75	9.75	9.25	2.00	0.75	29.50	62	08	011203001660	LCH
56	DƯƠNG MINH CƯỜNG	06002364	16/05/2004	06	74	7.75	9.75	9.25	2.00	0.75	29.50	06	14	004204000974	BPH
57	LÒ VI QUYỀN LINH	62001631	02/05/2003	62	40	7.75	9.50	9.50	2.00	0.75	29.50	62	03	011203001396	LCH
58	TRIỆU QUANG THẮNG	10005692	23/06/2003	10	36	7.75	9.50	9.50	2.00	0.75	29.50	10	06	020203006754	BPH
59	HOÀNG ĐỨC THỊNH	10005700	20/09/2003	10	40	7.50	10.00	9.25	2.00	0.75	29.50	10	06	020203001944	BPH
60	VÀNG SEO SÊNH	08003299	20/02/2002	08	12	7.50	9.75	9.50	2.00	0.75	29.50	08	04	010202000580	LCH
61	LÂM VĂN QUYẾT	06000203	24/08/2002	06	25	7.25	9.75	9.75	2.00	0.75	29.50	06	02	004202002436	BPH
62	ĐẶNG PHÚC HƯNG	25000794	20/04/2003	25	10	9.25	10.00	9.75		0.25	29.25	25	07	036203011433	BPH
63	NGUYỄN TRƯỜNG AN	30013172	18/08/2004	30	2	9.00	10.00	9.50		0.75	29.25	30	26	042204013001	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
64	BÙI VĂN THỂ	28014221	22/01/2004	28	51	9.00	8.75	8.75	2.00	0.75	29.25	28	13	038204020010	BPH
65	TRẦN BẢO KHANH	27000649	05/02/2004	27	22	8.75	9.50	8.25	2.00	0.75	29.25	27	03	037204001263	BPH
66	NGUYỄN VĂN NAM	28012259	17/09/2003	28	131	8.75	9.00	8.75	2.00	0.75	29.25	28	12	038203012844	LCH
67	HOÀNG TRUNG ĐỨC	29031428	30/07/2002	L5	13	8.75	9.00	8.75	2.00	0.75	29.25	29	13	187936803	BPH
68	BÙI TRUNG HIỂU	23003395	03/03/2003	23	6	8.50	10.00	8.00	2.00	0.75	29.25	23	05	017203002103	BPH
69	LÒ THỂ ANH	62004999	27/11/2003	62	7	8.50	9.50	8.50	2.00	0.75	29.25	62	04	011203003580	BPH
70	SÙNG NGỌC THÀNH	62006349	18/02/2002	62	84	8.50	9.25	8.75	2.00	0.75	29.25	62	06	011202004125	BPH
71	SÙNG SEO BẢO	08006188	08/03/2004	08	32	8.25	9.50	8.75	2.00	0.75	29.25	08	08	010204002998	LCH
72	LÒ QUANG MINH	14003294	10/06/2002	14	17	8.25	9.50	8.75	2.00	0.75	29.25	14	04	014202011293	BPH
73	PHẠM NGỌC HOÀNG	28011511	20/04/2004	28	44	8.25	9.25	9.00	2.00	0.75	29.25	28	12	038204003698	BPH
74	GIÀNG A PHONG	62006302	11/06/2001	62	77	8.00	9.50	9.00	2.00	0.75	29.25	62	06	040586946	BPH
75	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	06002805	30/08/2003	06	83	8.00	9.25	9.25	2.00	0.75	29.25	06	14	004203005098	BPH
76	LUÔNG VĂN THẮNG	14010564	14/01/2004	14	62	8.00	9.00	9.50	2.00	0.75	29.25	14	11	014204004928	BPH
77	LẦU A DIA	62002342	20/04/2003	62	133	7.75	9.75	9.00	2.00	0.75	29.25	62	10	011203000949	BPH
78	ĐẶNG QUANG HUY	10007540	24/12/2003	10	12	7.75	9.75	9.00	2.00	0.75	29.25	10	09	020203006724	BPH
79	MA SEO KHOA	08004165	11/04/2003	08	31	7.75	9.00	9.75	2.00	0.75	29.25	08	08	010203000364	LCH
80	HÀ VĂN TÂM	29013060	18/11/2002	29	30	7.50	9.75	9.25	2.00	0.75	29.25	29	09	040202009388	BPH
81	BẾ HÀ MẠNH	11002917	20/04/2002	11	11	7.50	9.75	9.25	2.00	0.75	29.25	11	07	006202004142	BPH
82	LÒ VĂN THỂ	28007367	17/09/2003	28	13	7.50	9.50	9.50	2.00	0.75	29.25	28	06	038203008809	BPH
83	LỮ ĐỨC ANH	28009245	03/06/2003	28	33	7.50	9.50	9.50	2.00	0.75	29.25	28	09	038203016398	BPH
84	SÙNG A HƯƠNG	62006227	26/08/2001	62	133	7.50	9.50	9.50	2.00	0.75	29.25	62	06	011201000933	LCH
85	TRIỆU VĂN HẢI	06001300	10/09/2001	06	60	7.00	9.50	10.00	2.00	0.75	29.25	06	11	004201003359	BPH
86	NGUYỄN NGỌC DŨNG	28002281	16/07/2004	28	10	9.00	9.75	9.50		0.75	29.00	28	05	038204028416	BPH
87	PHẠM TIẾN HÙNG	13000564	07/12/2003	13	1	9.00	9.75	9.50		0.75	29.00	13	03	015203001217	BPH
88	VÕ ĐỨC QUANG	30001846	20/02/2004	30	24	9.00	9.50	9.75		0.75	29.00	30	10	042204002286	BPH
89	BÙI NGUYỄN GIÁP	23008988	01/05/2004	23	1	8.50	8.75	9.00	2.00	0.75	29.00	23	08	017204003928	BPH
90	GIÀNG A CO	62002713	13/09/2003	62	121	8.25	10.00	8.00	2.00	0.75	29.00	62	08	011203001687	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
91	ĐÀM QUANG DŨNG	06002784	14/11/2002	06	78	8.25	9.25	8.75	2.00	0.75	29.00	06	14	004202003711	BPH
92	HOÀNG THANH TÙNG	06001216	17/10/2003	06	67	8.00	10.00	8.25	2.00	0.75	29.00	06	04	004203000104	BPH
93	ĐÀM QUANG HUY	10000185	09/08/2003	10	52	8.00	9.50	8.75	2.00	0.75	29.00	10	01	020203002216	LCH
94	NÔNG QUỐC TUẤN	06001214	24/10/2002	06	76	8.00	9.25	9.00	2.00	0.75	29.00	06	04	004202004340	BPH
95	LÊ HẢI ĐĂNG	29031420	15/01/2002	L5	11	8.00	9.25	9.00	2.00	0.75	29.00	31	02	044202001233	BPH
96	LA NHẬT HUY	10006786	01/09/2003	10	23	7.75	9.75	8.75	2.00	0.75	29.00	10	05	020203003328	BPH
97	THÈN VĂN NGHĨA	05005593	03/02/2003	05	13	7.75	9.50	9.00	2.00	0.75	29.00	05	08	002203004101	BPH
98	VI ĐỨC TUẤN	28009216	20/08/2004	28	30	7.75	9.25	9.25	2.00	0.75	29.00	28	08	038204024954	BPH
99	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	28013498	14/03/2004	28	52	7.75	9.25	9.25	2.00	0.75	29.00	28	13	038204026613	BPH
100	TRẦN ĐỨC THẮNG	28013308	14/04/2004	28	49	7.75	8.75	9.75	2.00	0.75	29.00	28	13	038204013745	BPH
101	THÀO VĂN QUYẾT	08004285	23/02/2002	08	14	7.50	10.00	8.75	2.00	0.75	29.00	08	08	010202002957	BPH
102	ĐÀM HỮU PHƯỚC	06001994	24/08/2002	06	38	7.50	9.75	9.00	2.00	0.75	29.00	06	04	004202000301	BPH
103	SÙNG VĂN TÁM	05003188	25/08/2002	05	14	7.50	9.75	9.00	2.00	0.75	29.00	05	09	002202008081	BPH
104	LY DỒ DE	07000716	17/05/2004	07	3	7.25	10.00	9.00	2.00	0.75	29.00	07	03	012204000892	BPH
105	TRƯƠNG CÔNG KHÁNH	28011585	08/05/2004	28	128	7.00	9.50	9.75	2.00	0.75	29.00	28	12	038204004377	LCH
106	SÙNG ANH TUẤN	62002248	10/03/2002	62	66	6.75	10.00	9.50	2.00	0.75	29.00	62	07	011202002015	BPH
107	ĐÀM THÁI HOÀNG	06001617	22/10/2002	06	84	6.75	10.00	9.50	2.00	0.75	29.00	06	08	004202006500	LCH
108	PHAN HỮU ĐỨC	16002991	27/08/2004	16	5	9.25	10.00	9.00		0.50	28.75	16	04	026204002222	BPH
	QUẬN KHU 4														
1	PHAN VINH PHÚC	29031635	11/01/2002	L5	15	9.00	9.00	9.25	2.00	0.75	30.00	32	03	197396739	BPH
2	PHAN VĂN ANH QUỐC	29031656	15/04/2002	L5	9	8.25	9.25	9.25	2.00	0.75	29.50	32	03	197395651	BPH
3	TRỊNH ĐỨC DŨNG	32006263	25/08/2004	32	81	7.75	9.75	9.25	2.00	0.75	29.50	32	09	045204008839	LCH
4	LÊ HỮU LÂM	32000428	15/01/2003	32	16	9.50	10.00	9.25		0.50	29.25	32	03	045203006290	BPH
5	LÊ ĐỨC HOAN	32004636	26/09/2002	32	80	8.75	10.00	9.75		0.75	29.25	32	08	045202003700	LCH
6	VIÊN XUÂN PHI LÍP	33004431	08/07/2003	33	7	7.25	9.50	9.25	2.00	0.75	28.75	33	09	192218654	BPH
7	CAO TẮT HUY	32002269	17/04/2001	Q1	2	7.25	9.25	9.50	2.00	0.50	28.50	32	03	045201006360	BPH
8	NGUYỄN VIỆT VINH HÙNG	32000389	30/05/2004	32	10	8.75	9.50	9.25		0.75	28.25	32	03	045204001554	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
9	TRẦN PHƯỚC LONG	55012023	07/06/2003	32	52	8.50	10.00	9.25		0.50	28.25	32	03	045203003859	LCH
10	VÕ NGỌC TIỀN	55012186	18/08/2003	32	36	8.25	9.75	9.25		0.75	28.00	32	08	045203001047	BPH
	QUẬN KHU 5														
1	HỒ TRỌNG HÀ	38000745	23/01/1999	M3	2	8.25	9.75	9.25	2.00	0.75	30.00	38	07	064099012726	BPH
2	Y ' BƯƠM MLÔ	40019986	20/08/2004	40	17	7.75	9.75	9.75	2.00	0.75	30.00	40	06	066204019093	BPH
3	NGUYỄN THÀNH DUY	38003733	19/11/2001	38	31	8.50	9.75	8.50	2.00	0.75	29.50	38	12	231187748	BPH
4	Y QUYÊN HMỐC	40020268	19/11/2004	40	30	7.75	9.50	9.50	2.00	0.75	29.50	40	10	066204012947	BPH
5	ĐỖ SONG HOÀN	35006452	07/10/2001	Q1	1	8.50	9.75	9.75	1.00	0.25	29.25	35	03	051201013867	BPH
6	TÔ ĐÌNH DŨNG	38010065	18/09/2003	38	5	9.25	9.50	9.50		0.75	29.00	38	09	064203014702	BPH
7	NGUYỄN XUÂN HIỆP	34003459	12/02/2003	34	18	9.00	10.00	9.75		0.25	29.00	34	04	049203007414	LCH
8	PHẠM ĐÌNH CHÂN	37000021	30/10/2003	37	11	9.00	10.00	9.50		0.50	29.00	37	11	052203002491	BPH
9	Y JA PHET – BYĂ	40009678	12/12/2002	40	29	8.00	9.25	9.00	2.00	0.75	29.00	40	10	066202017485	BPH
10	HỒ VĂN PHƯƠNG	34016373	10/02/2004	34	5	7.50	9.00	9.75	2.00	0.75	29.00	34	14	049204014161	BPH
11	TRẦN ĐẠI NGHĨA	38001532	03/06/2004	38	36	8.50	10.00	9.50		0.75	28.75	38	01	064204008276	BPH
12	LƯƠNG ĐỨC ANH	40013358	05/01/1999	40	25	6.75	10.00	9.25	2.00	0.75	28.75	40	08	066099000430	BPH
13	NGUYỄN VĂN DANH	38005228	07/08/2001	38	14	9.00	9.25	9.50		0.75	28.50	38	07	064201012264	BPH
14	KPĂ TUẤN ANH	40014986	08/02/2004	40	67	7.50	9.25	8.75	2.00	0.75	28.25	40	01	066204002150	LCH
15	HOÀNG MINH PHƯỚC	38005793	08/02/2003	38	11	8.25	10.00	9.00		0.75	28.00	38	07	064203011041	BPH
16	ĐÌNH TRỌNG QUÝ	38009826	12/05/2003	38	6	8.25	9.75	9.00		0.75	27.75	38	09	066203002552	BPH
17	B LÚP KIỆT	34003532	24/09/2003	34	47	7.00	9.00	9.00	2.00	0.75	27.75	34	13	049203003216	LCH
18	NÔNG VĂN KHIẾT	63004625	08/09/2002	63	7	6.50	9.00	9.50	2.00	0.75	27.75	63	06	067202000273	BPH
19	HOÀNG VĂN KHOA	40011716	27/10/2003	40	21	6.75	9.50	8.50	2.00	0.75	27.50	40	07	066203014348	BPH
20	CHU HẢI THÂN	38001100	21/08/2004	38	37	7.25	9.25	10.00		0.75	27.25	38	01	064204010725	BPH
21	HỒ VĂN HẠNH	40013547	10/07/2001	40	24	8.00	9.25	9.00		0.75	27.00	40	08	066201011493	BPH
22	LÊ TUẤN ANH	40005306	20/02/2003	40	18	8.00	9.00	9.25		0.75	27.00	40	06	066203013816	BPH
23	LƯƠNG TRUNG QUÂN	40001663	21/07/2001	40	42	7.50	9.50	9.00		0.75	26.75	40	12	066201001057	LCH
24	DƯƠNG CÔNG HẢI	38013695	10/09/2004	38	1	7.50	9.00	9.50		0.75	26.75	38	04	064204001638	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
25	DƯƠNG THANH TÙNG	63006214	23/12/2004	63	2	7.00	10.00	9.00		0.75	26.75	63	02	067204000226	BPH
26	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	36003151	16/05/2003	36	8	7.50	9.00	9.25		0.75	26.50	36	03	062203000705	BPH
27	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	38006066	19/06/2004	38	41	7.83	8.75	9.00		0.75	26.33	38	08	064204004781	BPH
28	HÀ THANH ĐIỆP	40001378	22/09/2003	40	34	7.50	9.00	7.00	2.00	0.75	26.25	40	12	066203002057	BPH
29	ĐINH QUỐC HUY	63004598	09/07/2004	63	5	5.50	9.00	9.00	2.00	0.75	26.25	63	06	067204001269	LCH
30	PHẠM ANH QUỐC	38006238	19/02/2003	38	43	8.25	8.00	9.00		0.75	26.00	38	08	064203004995	BPH
31	DƯƠNG ĐÌNH HỌC	38005308	09/02/2004	38	12	6.75	10.00	8.50		0.75	26.00	38	07	064204016183	BPH
32	NGUYỄN DANH ĐẠT	40000684	22/03/2004	40	13	8.25	8.75	8.00		0.75	25.75	40	05	066204013583	BPH
33	BÙI QUANG PHÚ	38005437	15/05/2004	38	22	8.25	8.50	8.25		0.75	25.75	38	07	231443922	BPH
34	LÊ THẾ ĐỨC	40018724	17/07/2004	40	38	7.25	9.25	8.50		0.75	25.75	40	13	066204016521	BPH
	QUẬN KHU 7														
1	PHẠM HOÀNG THUẬN THIÊN	49004632	24/10/2002	Q1	3	7.50	10.00	9.50	2.00	0.50	29.50	49	02	301786210	BPH
2	HÀ HỮU THOẠI	46005096	16/04/2003	46	17	8.75	9.50	9.25		0.50	28.00	46	05	072203003131	BPH
3	HỒ KHANG VĨ	46007290	06/10/2001	46	22	8.00	10.00	9.25		0.75	28.00	46	07	072201000542	BPH
4	NGUYỄN VĂN TÂY	47009162	05/10/2004	47	16	7.50	10.00	9.75		0.75	28.00	47	09	060204005788	BPH
5	BÙI QUỐC AN	49000764	23/06/2000	49	9	7.08	10.00	9.25	1.00	0.50	27.83	49	03	080200004162	BPH
6	TRẦN TRUNG TÍNH	52004244	19/02/1999	Q1	6	8.25	9.75	8.50	1.00	0.25	27.75	52	01	077099002351	BPH
7	NGUYỄN XUÂN HIỆP	02063217	12/08/2000	L7	1	6.75	10.00	9.50	1.00	0.50	27.75	44	06	281240099	BPH
8	NGUYỄN VĂN ANH THẮNG	49004628	20/08/2002	Q1	2	6.25	9.75	9.00	2.00	0.75	27.75	49	02	301755961	BPH
9	KINH THANH THÀNH TRIẾT	47002300	04/06/2003	47	12	6.25	9.25	9.50	2.00	0.75	27.75	47	03	060203008091	BPH
10	NGUYỄN HOÀI NAM	43004776	29/07/2002	43	12	7.75	10.00	9.00		0.75	27.50	43	08	070202004755	BPH
11	ĐẶNG CAO TÂN	47009160	06/02/2003	47	13	7.50	10.00	9.25		0.75	27.50	47	09	060203012143	BPH
12	ĐOÀN VĂN TÀI EM	46006908	02/11/2002	46	25	7.50	9.75	9.50		0.75	27.50	46	07	072202001270	BPH
13	LÊ THÀNH LỄ	47009029	27/01/2004	47	19	7.50	9.50	9.75		0.75	27.50	47	09	060204003360	BPH
14	LÊ MINH TUẤN	52004291	15/09/1999	52	3	6.50	9.50	9.25	2.00	0.25	27.50	52	02	077099004422	BPH
15	NGUYỄN DANH PHÚ	43001591	23/06/2004	43	12	8.00	9.75	8.75		0.75	27.25	43	01	070204004417	LCH
16	ĐẶNG NHẬT LINH	47009031	23/05/2003	47	6	7.75	9.50	9.25		0.75	27.25	47	09	060203008523	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
17	TRẦN ANH THUẬN	46007199	07/01/2003	46	24	7.75	9.25	9.50		0.75	27.25	46	07	072203001441	BPH
18	HUỖNH HỮU DƯ	49004246	29/11/2003	49	13	7.50	10.00	9.25		0.50	27.25	49	05	080203002774	BPH
19	ĐỖ HỮU THỌ	43007018	05/12/2003	43	16	7.50	10.00	9.00		0.75	27.25	43	10	070203005394	BPH
20	NGUYỄN TRƯỜNG TUẤN	44003096	05/06/2002	44	3	8.00	9.50	9.25		0.25	27.00	44	10	038202026351	BPH
21	NGUYỄN THANH TÙNG	47009217	27/04/2003	47	4	7.25	9.75	9.25		0.75	27.00	47	09	060203009090	BPH
22	NGUYỄN THẾ LỘC	44011357	01/10/2002	M4	5	8.50	7.00	8.50	2.00	0.75	26.75	48	01	184453578	BPH
23	TRƯƠNG VĂN HỮU	47009012	28/11/2004	47	5	7.75	9.25	9.00		0.75	26.75	47	09	060204010762	BPH
24	NGUYỄN DUY HOÀNG NGUYÊN	42006907	23/12/2004	42	4	7.50	10.00	8.50		0.75	26.75	42	10	251337364	BPH
25	NGUYỄN VĂN HIẾU	41000519	10/09/2001	M6	1	7.50	8.75	9.25	1.00	0.25	26.75	47	05	261479725	BPH
26	TRẦN QUỐC ĐẠT	52011528	11/12/2004	52	3	7.25	9.50	9.50		0.50	26.75	52	03	077204007223	LCH
27	TRẦN PHƯỚC THẮNG	47009175	19/03/2003	47	14	7.25	9.50	9.25		0.75	26.75	47	09	060203011134	BPH
28	BÙI TRƯƠNG TRƯỜNG AN	49001822	01/08/2004	49	11	8.25	9.25	8.50		0.50	26.50	49	04	080204008955	BPH
29	VÕ THÀNH ĐẠT	46002191	28/09/2003	46	3	8.00	9.00	9.00		0.50	26.50	46	02	072203003970	BPH
30	NGUYỄN KHÁNH TUẤN	49001306	04/03/2003	49	18	7.50	9.75	8.75		0.50	26.50	49	02	080203000874	LCH
31	TẠ NGUYỄN HOÀNG BẢO	47008930	12/08/2003	47	3	7.00	9.50	9.25		0.75	26.50	47	09	060203008986	BPH
32	NGUYỄN LÊ MINH QUYÊN	49009462	07/08/2003	49	15	8.50	8.50	8.75		0.50	26.25	49	06	080203003743	BPH
33	NGUYỄN HẢI ĐẠI	02043770	11/04/2004	02	5	8.25	9.75	8.25			26.25	02	20	052204000250	BPH
34	NGUYỄN VĂN HẬU	47000218	25/09/2004	47	9	8.25	9.00	8.75		0.25	26.25	47	04	261658885	BPH
35	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	49000581	08/11/2004	49	3	7.50	9.50	8.75		0.50	26.25	49	02	080204000711	BPH
36	NGUYỄN THIÊN HÙNG	43006648	19/06/2004	43	19	7.00	9.50	9.00		0.75	26.25	43	11	070204002617	BPH
37	TRẦN QUỐC THÁI	49008197	14/11/2002	49	31	7.25	9.50	8.75		0.50	26.00	49	13	301827916	LCH
38	TRẦN BẢO AN	42010384	05/10/2003	42	6	7.00	9.50	8.75		0.75	26.00	42	11	068203007263	BPH
39	NGUYỄN NHẬT HẢO	55009282	22/02/2003	49	18	8.50	8.25	8.25		0.75	25.75	49	06	080203001599	BPH
40	PHẠM BÁ NHẬT DUY	52006509	24/02/2004	52	1	7.75	9.00	8.50		0.50	25.75	52	08	077204003827	BPH
41	HUỖNH AN KHANG	46003116	11/03/2004	46	9	7.75	8.75	8.75		0.50	25.75	46	03	072204000263	BPH
	QUÂN KHU 9														
1	NGUYỄN TẤN ĐẠT	55009265	24/05/2001	54	10	8.50	10.00	9.00	2.00	0.50	30.00	54	04	372078613	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
2	HUỖNH TRỌNG NGUYỄN	61003104	10/04/2002	Q1	3	7.75	10.00	9.50	2.00	0.75	30.00	61	02	381997828	BPH
3	TRẦN HUY	61002769	21/11/2001	Q1	2	8.50	9.50	9.00	2.00	0.75	29.75	61	02	381950274	LCH
4	KHUẤT ĐÌNH NGỌC ANH	54001396	08/09/2004	54	48	9.00	10.00	9.50		0.75	29.25	54	12	091204001083	BPH
5	NGUYỄN TRƯỜNG NGOAN	55010464	26/01/2000	58	3	8.25	9.00	9.00	2.00	0.75	29.00	58	03	334996891	BPH
6	DANH TRỌNG MINH	54005318	09/07/1999	54	43	8.00	9.75	8.50	2.00	0.75	29.00	54	08	091099000331	BPH
7	LÊ TÂN NGUYỄN	61005273	30/10/2004	61	6	8.75	9.75	9.50		0.75	28.75	61	02	096204015426	BPH
8	PHAN XUÂN HOÀNG	54002640	11/11/2004	54	45	8.50	10.00	10.00		0.25	28.75	54	08	036204015194	BPH
9	NGUYỄN THANH NHÃ	54004711	15/07/2001	54	27	7.50	9.25	9.25	2.00	0.75	28.75	54	07	091201006189	BPH
10	THẠCH THẢO	60000959	03/08/2003	60	32	7.00	9.75	9.25	2.00	0.75	28.75	60	07	095202009093	BPH
11	NGUYỄN VÕ HỒNG PHÚC	51015971	01/04/2004	51	43	9.00	9.75	9.25		0.50	28.50	51	09	089204002932	BPH
12	VÕ HOÀI NHẬT	55009497	01/01/2003	54	60	8.75	9.75	9.25		0.75	28.50	54	15	091203001403	BPH
13	NGUYỄN HUỖNH TRẠNG	51008747	09/06/2002	L8	12	8.50	9.00	8.75	2.00	0.25	28.50	51	01	352537985	BPH
14	BÙI TRẦN ĐỨC TÀI	55009584	19/11/2001	56	2	7.75	9.25	9.00	2.00	0.50	28.50	56	02	083201000351	BPH
15	NGUYỄN TUẤN ANH	60000315	08/05/2000	60	4	7.25	9.50	9.50	2.00	0.25	28.50	60	01	095200000113	BPH
16	CHÂU TÂN LỢI	55010434	08/08/2003	59	1	8.00	9.50	10.00		0.75	28.25	59	07	094203002601	BPH
17	NGÔ PHI TÀI	51010051	15/07/2001	51	23	7.75	9.50	9.25	1.00	0.75	28.25	51	06	089201000466	BPH
18	PHẠM THANH TƯỜNG	55009157	29/06/2002	50	33	8.00	9.50	10.00		0.50	28.00	50	07	087202011821	BPH
19	THẠCH HẢO	44011075	02/06/2002	M4	2	7.25	9.25	9.00	2.00	0.50	28.00	57	06	331907756	BPH
20	TẠ NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	51011425	28/08/2004	51	14	8.50	9.25	9.25		0.75	27.75	51	03	089204013149	BPH
21	NGUYỄN TUẤN THANH	60004560	16/09/2004	60	21	8.25	9.75	9.00		0.75	27.75	60	06	095204001147	BPH
22	VÕ QUỐC KIÊN	54002694	24/05/2004	54	39	8.25	9.50	9.75		0.25	27.75	54	01	091204011901	BPH
23	DANH TUẤN ĐẠT	54003134	27/02/2004	54	52	7.25	9.00	8.75	2.00	0.75	27.75	54	06	091204004904	BPH
24	NGUYỄN THANH NHÀN	44011441	06/09/2002	M4	1	9.00	7.75	8.25	2.00	0.50	27.50	57	03	331878870	BPH
25	TRẦN VĂN DÀN	54004346	14/05/2004	54	25	8.25	9.25	9.25		0.75	27.50	54	07	091204014816	BPH
26	TRẦN HOÀNG SANG	50012286	14/11/2003	50	37	8.00	9.75	9.25		0.50	27.50	50	09	087203007754	BPH
27	PHAN VĂN TRÒN	56010923	12/02/2001	56	15	7.50	9.75	9.50		0.75	27.50	56	08	083201009806	BPH
28	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	54002586	09/05/1999	54	12	7.25	8.50	9.00	2.00	0.75	27.50	54	11	091099000288	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
29	NGUYỄN VĂN BẢO	60004196	22/11/2004	60	23	8.50	9.75	8.25		0.75	27.25	60	06	095204001303	BPH
30	PHẠM LÊ NHƯ THUẦN	51008132	01/04/2004	51	4	8.25	9.50	9.25		0.25	27.25	51	03	089204024341	BPH
31	TRẦN HÙNG THỊNH	61007303	09/03/2004	61	15	8.00	9.75	8.75		0.75	27.25	61	04	382037674	BPH
32	VÕ THÀNH TRUNG	54013978	17/08/2004	54	11	7.50	10.00	9.00		0.75	27.25	54	11	091204005857	BPH
33	ĐẶNG HOÀI PHONG	54002844	07/12/2000	54	53	7.00	9.25	9.25	1.00	0.75	27.25	54	13	089200015325	BPH
34	NGUYỄN GIA PHÚC	53013751	01/03/2003	53	8	8.75	9.25	8.50		0.50	27.00	53	07	082203001485	BPH
35	NGUYỄN MINH THÔNG	51016029	15/01/2004	50	22	8.50	9.00	9.00		0.50	27.00	50	03	087204006856	BPH
36	NGUYỄN KHẮC DANH	58002826	18/12/2004	58	10	8.50	9.00	8.75		0.75	27.00	58	06	084204012095	BPH
37	TRẦN GIA BẢO	54004311	01/05/2004	54	27	8.25	9.25	8.75		0.75	27.00	54	07	091204005732	LCH
38	PHAN VĂN VÀNG	54005024	09/12/2001	54	37	8.00	9.50	8.75		0.75	27.00	54	07	372062279	BPH
39	QUÁCH HOÀI PHÚC	59009864	03/07/2004	59	5	8.00	9.25	9.00		0.75	27.00	59	11	094204001878	BPH
40	TRẦN HUỖNH NHỰT QUANG	51012076	28/07/2004	51	10	8.00	9.00	9.25		0.75	27.00	51	03	089204006656	BPH
41	NGUYỄN HOÀNG KHANG	55008854	15/03/2002	61	10	8.00	8.75	9.50		0.75	27.00	61	03	096202000441	BPH
42	ĐOÀN QUỐC TỈNH	50013350	23/05/2002	50	43	7.00	9.75	9.50		0.75	27.00	50	13	087202001186	BPH
43	HỒ QUANG THẮNG	51001881	21/08/2003	51	17	6.75	10.00	9.75		0.50	27.00	51	09	352689170	LCH
44	THẠCH NGỌC LÊ MINH KHÔI	58007864	22/05/2004	58	21	6.75	8.75	8.75	2.00	0.75	27.00	58	04	084204002419	LCH
45	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	53006283	17/03/2003	53	17	8.75	9.25	8.25		0.50	26.75	53	05	312522212	LCH
46	PHẠM PHI HÀO	61004745	19/05/2004	61	3	8.50	8.25	9.25		0.75	26.75	61	02	096204006993	BPH
47	TRƯƠNG HOÀI PHONG	50006397	17/07/2001	Q1	1	8.00	8.00	8.25	2.00	0.50	26.75	50	11	342018320	BPH
48	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG	54013344	10/01/2003	54	13	7.75	9.50	9.25		0.25	26.75	54	11	091203002545	LCH
49	VÕ QUỐC DUY	51000082	22/06/2001	51	46	7.75	8.50	7.75	2.00	0.75	26.75	51	10	089201004892	BPH
B	NGÀNH LUẬT														
	MIỀN BẮC														
1	LUU NGOC HAI	16013265	01/06/2004	16	1	9.00	10.00	9.50	2.00	0.75	31.25	16	10	026204005603	BPH
2	VÀNG ĐỨC DŨNG	08002670	28/07/2004	08	15	8.50	9.00	8.75	2.00	0.75	29.00	08	04	010204000943	LCH
3	ĐẶNG QUỐC VINH	30009259	06/03/2003	30	3	8.75	9.75	9.75		0.50	28.75	30	20	042203004635	BPH
4	LÊ MẠNH QUỲNH	09004738	10/12/2004	09	2	7.50	10.00	8.25	2.00	0.75	28.50	09	05	008204009830	BPH

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Ban TS	Thứ tự	Môn 1	Môn 2	Môn 3	ưu tiên	Khu vực	Tổng điểm	Tỉnh	Huyện	Chứng minh thư	Sơ tuyển
5	VŨ TUẤN THÀNH	62002585	14/02/2004	62	68	7.50	9.75	8.50	2.00	0.75	28.50	62	05	011204000488	LCH
6	LÒ VĂN HOÀN	14008163	20/09/2003	14	43	7.25	9.75	8.75	2.00	0.75	28.50	14	09	014203009084	BPH
7	NGUYỄN NGỌC VIỆT	06001783	03/04/2004	06	78	7.25	9.75	8.75	2.00	0.75	28.50	06	08	004204000131	LCH
8	MÙA A HỒNG	62006216	25/12/2002	62	83	7.25	9.50	9.00	2.00	0.75	28.50	62	06	040589949	BPH
9	VÌ ĐỨC HÙNG	14010850	17/06/2003	14	127	7.00	9.00	9.75	2.00	0.75	28.50	14	12	014203000480	LCH
10	TRẦN NGỌC TUẤN	16007741	24/12/2003	16	4	8.75	10.00	9.00		0.50	28.25	16	05	026203001204	LCH
11	HOÀNG VĂN BẢO	29023826	19/07/2004	29	65	8.75	9.75	9.00		0.75	28.25	29	14	040204017174	LCH
12	NGUYỄN LÊ THANH SƠN	27003144	04/12/2003	27	10	8.75	9.50	9.50		0.50	28.25	27	05	037203000241	BPH
13	QUÁCH MINH HẢI	23005502	07/09/2004	23	56	8.75	9.00	7.75	2.00	0.75	28.25	23	08	017204007472	LCH
14	NGUYỄN TRUNG KIÊN	15014275	13/07/2004	15	1	8.50	10.00	9.00		0.75	28.25	15	12	019204001596	BPH
	MIỀN NAM														
1	NGUYỄN HOÀNG THOẠI	60004580	22/09/2001	60	31	8.25	9.50	9.00	2.00	0.75	29.50	60	06	095201003081	BPH
2	NGUYỄN VĂN THÊM	32000548	20/03/2003	32	1	8.00	9.75	9.75		0.50	28.00	32	03	070203012023	BPH
3	NGÔ MẠNH TÙNG	54008153	12/11/2003	54	42	8.00	9.75	9.00		0.25	27.00	54	01	091203012249	BPH
4	LÊ ĐỨC LỢI	02023888	13/04/2004	32	114	8.00	9.50	8.75		0.50	26.75	32	03	045204005156	LCH
5	DUƠNG HOÀNG ÂN	04006456	17/02/2004	04	5	7.25	10.00	9.50			26.75	04	01	201878606	LCH
6	NGUYỄN VĂN KHÁNH	55011987	03/06/2003	32	55	7.25	9.75	9.25		0.50	26.75	32	03	045203001478	LCH